

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

**Thời gian: 15h00 \* Ngày thi: 25/01/2026**

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH    | LỚP     | ĐIỂM THI |      |           | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|-------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|    |             |                       |            |             |         | KTC      | THUD | KẾT QUẢ   |         |
| 1  | 27211342914 | Bùi Trường An         | 01/06/2003 | Quảng Trị   | 31CSC1  | 7.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 2  | 28216205819 | Phạm Thị Thúy An      | 26/11/2004 | Kon Tum     | 31THT15 | 8.7      | 5.3  | Đạt       |         |
| 3  | 27207138453 | Lê Nguyễn Trang Anh   | 06/03/2003 | Quảng Nam   | 31TYC10 | 8.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 4  | 28209449564 | Nguyễn Thị Minh Anh   | 01/08/2004 | Quảng Nam   | 31TSC13 | 9.7      | 7.0  | Đạt       |         |
| 5  | 29206752387 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 24/06/2005 | Quảng Trị   | 31TSC13 | 5.0      | 6.0  | Đạt       |         |
| 6  | 28204632878 | Võ Thị Vân Anh        | 19/07/2004 | Đà Nẵng     | 31CHT8  | 8.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 7  | 28206501074 | Võ Thị Bông           | 14/04/2004 | Quảng Nam   | 31THT15 | 9.7      | 9.3  | Đạt       |         |
| 8  | 28218144186 | Lê Văn Thiên Chiêu    | 18/01/2004 | Đà Nẵng     | 31THT15 | 9.3      | 5.3  | Đạt       |         |
| 9  | 29208123234 | Phạm Thị Thúy Diễm    | 06/06/2005 | Quảng Trị   | 31TSC13 | 10.0     | 5.5  | Đạt       |         |
| 10 | 29206753302 | Vương Thị Trà Giang   | 21/06/2004 | Hà Tĩnh     | 31TSC13 | 8.0      | 6.8  | Đạt       |         |
| 11 | 27207280012 | Nguyễn Lam Hà         | 19/11/2002 | Tam Kỳ      | 31THT15 | 6.7      | 8.0  | Đạt       |         |
| 12 | 28212751178 | Đào Thanh Hải         | 03/04/2004 | Đà Nẵng     | 31THT15 | 8.0      | 5.8  | Đạt       |         |
| 13 | 28206546317 | Phạm Thị Hồng Hạnh    | 22/07/2004 | Quảng Nam   | 31CHT9  | 9.7      | 8.3  | Đạt       |         |
| 14 | 29206535477 | Hoàng Phúc Nguyên Hậu | 20/02/2005 | Quảng Nam   | 31SYC2  | 7.7      | 3.3  | Không Đạt |         |
| 15 | 31212353349 | Đặng Trần Công Hiếu   | 10/08/2007 | Đà Nẵng     | 31THT15 | 1.3      | 0.5  | Không Đạt |         |
| 16 | 28214554545 | Lê Gia Hoàng          | 10/09/2004 | Quảng Nam   | 31TSC13 | 6.3      | 3.0  | Không Đạt |         |
| 17 | 24217104921 | Nguyễn Đức Hùng       | 27/06/2000 | Gia Lai     | 31THT15 | 7.0      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 18 | 27203334163 | Lê Thị Thu Hường      | 17/03/2003 | Quảng Trị   | 31TSC13 | V        | V    | Không Đạt |         |
| 19 | 28202726142 | Nguyễn Thị Thu Hường  | 01/02/2004 | Nghệ An     | 31THT15 | 7.7      | 0.8  | Không Đạt |         |
| 20 | 28204724602 | Bạch Thị Ngọc Huyền   | 04/09/2004 | Quảng Ngãi  | 31CHT9  | 6.7      | 5.8  | Đạt       |         |
| 21 | 29204623005 | Ngô Lý Khánh Huyền    | 02/01/2005 | Đà Nẵng     | 31TSC13 | 6.3      | 3.3  | Không Đạt |         |
| 22 | 28204306880 | Ngô Thị Minh Huyền    | 24/09/2004 | Đà Nẵng     | 31CHT9  | 6.0      | 9.0  | Đạt       |         |
| 23 | 27212146684 | Trần Nguyễn Khánh     | 28/07/2003 | Hồ Chí Minh | 30CSC7  | 7.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 24 | 28214641555 | Phạm Anh Kiệt         | 03/08/2004 | Đà Nẵng     | 31THT15 | 8.0      | 6.5  | Đạt       |         |
| 25 | 29217364660 | Huỳnh Lê Tuấn Kỳ      | 20/09/2005 | Đà Nẵng     | 31CHT9  | 8.0      | 10.0 | Đạt       |         |
| 26 | 29214840947 | Nguyễn Đồng Lê        | 14/06/2005 | Quảng Bình  | 31TSC13 | 10.0     | 9.3  | Đạt       |         |
| 27 | 28206702621 | Nguyễn Thị Kim Liên   | 09/04/2004 | Gia Lai     | 31THT15 | 8.3      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 28 | 28204953777 | Nguyễn Thúy Liễu      | 28/03/2004 | Quảng Ngãi  | 31CHT9  | 9.7      | 9.0  | Đạt       |         |
| 29 | 28204605265 | Nguyễn Thị Loan       | 19/02/2004 | Daklak      | 31CHT9  | 10.0     | 9.5  | Đạt       |         |
| 30 | 28204646622 | Phạm Thị Mai Loan     | 30/08/2004 | Đà Nẵng     | 31SYC4  | 7.3      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 31 | 28204550052 | Đào Bích Ly           | 09/12/2003 | Huế         | 31SBN7  | 7.7      | 8.5  | Đạt       |         |
| 32 | 28204635079 | Huỳnh Mai Ly          | 13/03/2004 | Phú Yên     | 31THT15 | V        | V    | Không Đạt |         |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN                | NGÀY SINH  | NƠI SINH     | LỚP     | ĐIỂM THI |      |           | GHI CHÚ |
|----|-------------|--------------------------|------------|--------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|    |             |                          |            |              |         | KTC      | THUD | KẾT QUẢ   |         |
| 33 | 28208002509 | Phan Thị Cẩm Ly          | 20/05/2004 | Gia Lai      | 31CHT9  | 9.3      | 9.8  | Đạt       |         |
| 34 | 28204302323 | Trịnh Thị Diễm My        | 25/01/2004 | Đắk Lắk      | 31THT15 | 7.0      | 2.8  | Không Đạt |         |
| 35 | 28208106350 | Trần Ly                  | 20/08/2004 | Quảng Nam    | 31THT15 | 8.0      | 7.0  | Đạt       |         |
| 36 | 28204552407 | Võ Thị Kiều Na           | 02/05/2004 | Gia Lai      | 31TSC13 | 4.3      | 5.4  | Không Đạt |         |
| 37 | 29204622804 | Văn Thị Kiều Nga         | 22/05/2005 | Gia Lai      | 31TSC13 | 7.7      | 5.5  | Đạt       |         |
| 38 | 28206553666 | Nguyễn Thị Nghi          | 15/10/2004 | Quảng Nam    | 31THT15 | 8.0      | 8.0  | Đạt       |         |
| 39 | 28214641933 | Bùi Nguyễn Bảo Ngọc      | 24/09/2004 | Đà Nẵng      | 31CHT9  | 7.7      | 7.0  | Đạt       |         |
| 40 | 28204154528 | Hà Thị Ngọc Nguyên       | 08/09/2004 | Quảng Trị    | 31TSC13 | 9.3      | 7.0  | Đạt       |         |
| 41 | 29208163126 | Trần Ngọc Thảo Nguyên    | 30/03/2005 | Hội An       | 31TSC13 | 8.3      | 5.8  | Đạt       |         |
| 42 | 29204864480 | Trần Minh Nguyệt         | 12/08/2005 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 7.7      | 7.0  | Đạt       |         |
| 43 | 28204604949 | Nguyễn Thị Thanh Nhân    | 21/12/2004 | Thừa Thiên H | 31CHT9  | 8.7      | 10.0 | Đạt       |         |
| 44 | 29202764591 | Nguyễn Thảo Nhân         | 26/08/2005 | Đắk Lắk      | 31TSC13 | 10.0     | 8.8  | Đạt       |         |
| 45 | 26215334991 | Hồ Xuân Nhật             | 28/09/2002 | Quảng Ngãi   | 31THT15 | 8.0      | 5.3  | Đạt       |         |
| 46 | 29208063139 | Lưu Nguyễn Yến Nhi       | 23/10/2005 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 8.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 47 | 0934902718  | Lưu Tâm Như              | 24/05/2006 | Đà Nẵng      | 31THT15 | V        | V    | Không Đạt |         |
| 48 | 28204633832 | Huỳnh Thị Từ Ny          | 24/02/2004 | Đà Nẵng      | 31CHT9  | 9.7      | 9.3  | Đạt       |         |
| 49 | 28208128069 | Trần Ngọc Sê Ny          | 17/02/2004 | Bình Định    | 31THT15 | 10.0     | 6.3  | Đạt       |         |
| 50 | 28204640389 | Hoàng Thị Kiều Oanh      | 16/02/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 10.0     | 6.0  | Đạt       |         |
| 51 | 27212253748 | Trương Mai Oanh          | 22/10/2003 | Quảng Trị    | 31TSC10 | 5.3      | 5.8  | Đạt       |         |
| 52 | 28214639985 | Trần Hoàng Phước         | 06/10/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 6.3      | 7.0  | Đạt       |         |
| 53 | 27202702638 | Thái Thị Minh Phương     | 17/04/2003 | Đà Nẵng      | 31CHT9  | 8.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 54 | 28214324844 | Nguyễn Trần Quyết        | 10/01/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 7.0      | 6.8  | Đạt       |         |
| 55 | 28206506572 | Huỳnh Thị Thu Sương      | 14/10/2003 | Quảng Ngãi   | 31SSC3  | V        | V    | Không Đạt |         |
| 56 | 28204604974 | Hồ Thị Hồng Thắm         | 23/04/2004 | Hà Tĩnh      | 31CHT9  | 8.7      | 7.0  | Đạt       |         |
| 57 | 28218450530 | Nguyễn Tiên Thân         | 01/08/2004 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 7.3      | 9.3  | Đạt       |         |
| 58 | 28206252334 | Nguyễn Thị Thanh Thanh   | 26/06/2004 | Quảng Nam    | 31THT15 | 9.7      | 5.0  | Đạt       |         |
| 59 | 28204549784 | Trương Thị Thu Thanh     | 16/06/2003 | Quảng Ngãi   | 31TSC13 | 7.3      | 8.3  | Đạt       |         |
| 60 | 28208024671 | Hoàng Thị Phước Thiện    | 21/01/2004 | Quảng Trị    | 31SBN7  | 5.0      | 3.4  | Không Đạt |         |
| 61 | 29206635908 | Hoàng Vũ Anh Thư         | 23/10/2005 | Nghệ An      | 31TSC13 | 8.7      | 6.0  | Đạt       |         |
| 62 | 27202141055 | Nguyễn Thị Anh Thư       | 25/08/2003 | Đà Nẵng      | 31TYC10 | 5.7      | 5.0  | Đạt       |         |
| 63 | 28208039256 | Nguyễn Huỳnh Hoài Thương | 02/05/2004 | Đà Nẵng      | 31CSC3  | 7.0      | 5.5  | Đạt       |         |
| 64 | 29207539092 | Nguyễn Thị Thu Thúy      | 18/03/2005 | Quảng Nam    | 31CHT9  | 10.0     | 9.5  | Đạt       |         |
| 65 | 29204755537 | Huỳnh Thị Thu Thủy       | 31/03/2005 | Quảng Nam    | 31TSC13 | 9.3      | 8.3  | Đạt       |         |
| 66 | 28204651290 | Nguyễn Thị Kim Thuyền    | 04/06/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 7.3      | 1.3  | Không Đạt |         |
| 67 | 28208229738 | Ngô Thị Cẩm Tiên         | 26/03/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 9.7      | 4.3  | Không Đạt |         |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH     | LỚP     | ĐIỂM THI |      |           | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|--------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|    |             |                       |            |              |         | KTC      | THUD | KẾT QUẢ   |         |
| 68 | 28204601763 | Lê Hoài Trâm          | 12/01/2004 | Kon Tum      | 31TSC4  | 6.0      | 5.3  | Đạt       |         |
| 69 | 29206732154 | Lê Nguyễn Bảo Trâm    | 11/06/2005 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 9.7      | 6.8  | Đạt       |         |
| 70 | 28206252625 | Lê Trần Bảo Trâm      | 10/07/2004 | Quảng Nam    | 31TSC13 | 9.7      | 9.5  | Đạt       |         |
| 71 | 29204638298 | Nguyễn Ngọc Mai Trâm  | 20/06/2005 | Quảng Nam    | 31CHT9  | 9.7      | 9.3  | Đạt       |         |
| 72 | 28204903743 | Đặng Trần Bảo Trân    | 02/01/2004 | Phú Yên      | 31CHT9  | 9.7      | 6.5  | Đạt       |         |
| 73 | 28204749529 | Lê Thị Huyền Trân     | 04/05/2004 | Quảng Nam    | 31CHT9  | 8.7      | 7.8  | Đạt       |         |
| 74 | 28206201369 | Lê Thị Thảo Trân      | 11/11/2004 | Bình Định    | 31CHT7  | 7.0      | 3.9  | Không Đạt |         |
| 75 | 28201351998 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 11/11/2004 | Quảng Nam    | 31THT15 | 5.7      | 4.0  | Không Đạt |         |
| 76 | 27207128614 | Võ Thị Kiều Trinh     | 24/10/2003 | Quảng Nam    | 29CYC3  | 9.7      | 6.8  | Đạt       |         |
| 77 | 28210200145 | Trương Quốc Trung     | 09/08/2004 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 6.7      | 9.5  | Đạt       |         |
| 78 | 29208155396 | Lê Thị Cẩm Tú         | 20/03/2005 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 9.3      | 6.3  | Đạt       |         |
| 79 | 28213101882 | Lê Trung Tú           | 30/09/2004 | Gia Lai      | 31THT15 | 8.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 80 | 28208002374 | Trần Thị Thủy Tú      | 17/05/2004 | Quảng Nam    | 31CHT9  | V        | V    | Không Đạt |         |
| 81 | 28208401069 | Lê Mạnh Tường         | 18/09/2004 | Nghệ An      | 31TSC13 | 8.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 82 | 29204637464 | Nguyễn Thị Hồng Vân   | 08/11/2005 | Quảng Nam    | 31TSC13 | 9.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 83 | 28204149854 | Trần Thảo Vân         | 21/05/2003 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 8.3      | 8.8  | Đạt       |         |
| 84 | 29206563297 | Nguyễn Thị Thảo Vi    | 07/05/2005 | Quảng Nam    | 31SYC2  | 7.0      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 85 | 28208102498 | Võ Hồ Diệu Vi         | 09/11/2004 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 8.0      | 6.8  | Đạt       |         |
| 86 | 28214500647 | Mai Anh Vũ            | 15/11/2004 | Thừa Thiên H | 31THT15 | 8.7      | 5.8  | Đạt       |         |
| 87 | 28204353588 | Đào Nguyễn Hoàng Vy   | 28/04/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 10.0     | 3.8  | Không Đạt |         |
| 88 | 28204753559 | Hồ Nguyễn Thảo Vy     | 17/03/2004 | Đà Nẵng      | 31THT15 | 9.0      | 8.5  | Đạt       |         |
| 89 | 28204144482 | Ngô Võ Yên Vy         | 21/11/2004 | Bình Định    | 31THT15 | 8.7      | 5.8  | Đạt       |         |
| 90 | 28204931697 | Nguyễn Thảo Vy        | 23/06/2004 | Đà Nẵng      | 31CHT9  | 10.0     | 9.0  | Đạt       |         |
| 91 | 28204604133 | Thân Thảo Vy          | 25/07/2004 | Đà Nẵng      | 31TSC13 | 8.7      | 6.5  | Đạt       |         |

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh